**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

 **TRƯỜNG THPT THƯỢNG CÁT MÔN: LỊCH SỬ 12**

**Câu 1.** Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đó là thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam ?

A. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

C. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (06 – 01 – 1975)

A. Chứng minh sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

B. Chứng tỏ sụ suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.

C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Củng cố quyết tâm của Đảng ta trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Câu 3.** Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng, thể hiện ở chỗ

A. trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để giải phóng miền Nam trong năm 1975.

C. nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

**Câu 4.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có ý nghĩa quốc tế là

A. tác động đến tình hình thế giới.

B. làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.

C. tác động đến nước Mĩ và thế giới.

D. tác động đến nước Mĩ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 5.** Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975) là

A. “tiến ăn chắc, đánh ăn chắc”.

B. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”.

D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

**Câu 6.** Vì sao Đảng chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 ?

A. Tây Nguyên là địa bàn quan trọng, lực lượng địch quá mỏng, lực lượng ta mạnh.

B. Tây Nguyên có đại bàn chiến lược quan trọng, lực lượng địch ở đây mỏng và bố phòng sơ hở.

C. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mạnh nhưng bố phòng sơ hở.

D. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng nhưng bố phòng kiên cố.

**Câu 7.** Ý nghĩa lớn nhất của thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên là

A. từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. giải phóng được Tây Nguyên rộng lớn, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

C. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

**Câu 8.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước có ý nghĩa lớn nhất đối với dân tộc ta là

A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

C. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên CNXH.

D. kết thúc 30 năm chiến tranh GPDT, bảo vệ tổ quốc.

**Câu 9.** Nguyên nhân chủ quan cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân nhân ta.

C. có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

D. tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân hai miền Nam – Bắc.

**Câu 10.** Sự kiện lịch sử đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng?

A. quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

C. xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

D. lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

**Câu 11.** Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn đã

A. quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

C. bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất, Ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam.

D. nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 12.** Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).

D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

**Câu 13.** Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta trong năm 1977 là gì?

A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ.

B. Trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

C. Gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Được 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 14.**Tại sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

B. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

C. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

D. Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.

**Câu 15.** Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

**Câu 16:** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ

A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.

D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

**Câu 17.** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa quan trọng

A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

**Câu 18.**  Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là

A. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Khắc phục hậu quả chiến tranh và khôi phục phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 19.** Kết quả lớn nhất của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI(6,7/ 1976) của nước Việt Nam là gì?

A. Bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.

B. Bầu ra Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

D. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 20.** Nguyện vọng chính đáng nhất của nhân dân hai miền Bắc – Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Mong muốn đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ.

B. Muốn nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.

C. Muốn mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.

D. Mong muốn có một cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

**Câu 21.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Tồn tại sự chia rẽ, phân biệt giữa hai miền.

B. Đất nước đã được thống nhất về mặt nhà nước.

C. Tổ Quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ.

D. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

**Câu 22.** Nội dung nào **không** thuộc Nghị quyết của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI?

A. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất.

C. Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

D. Nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 23:** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

 **Câu 24.** Sự kiện nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước?

A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

D. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong toàn quốc.

**Câu 25:** Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961-1965), Mĩ sử dụng chiến thuật nào sau đây?

**A**. Cơ giới hóa. **B.** Trực thăng vận. **C**. Vận động chiến.  **D**. Du kích chiến.

**Câu 26:** Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965-1968), Mĩ sử dụng chiến lược quân sự mới nào sau đây?

**A.** Thiết xa vận. **B**. Tìm diệt. **C.** Ấp chiến lược. **D.** Trực thăng vận.

**Câu 27:** Chiến thắng Đường 14 - Phước Long (từ ngày 22-12-1974 đến ngày 6-1-1975) của quân dân miền Nam cho thấy

**A.** so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho cách mạng.

**B.** khả năng Mĩ can thiệp trở lại bằng quân sự rất cao.

**C.** so sánh lực lượng thay đổi bất lợi cho cách mạng.

**D**. nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút” đã hoàn thành.

**Câu 28:** Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 29.** Điểm giống nhau giữa chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

B. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải kết thúc cuộc chiến tranh.

C. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải ký kết các hiệp định với ta.

D. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 30.** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương với Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam được ký kết trong bối cảnh quốc tế giống nhau như thế nào?

A. Cục diện chiến tranh lạnh đang tồn tại. B. Xu thế toàn cầu hóa.

C. Xô – Mĩ đối đầu căng thẳng. D. Chủ nghĩa thực dân mới sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 31:** Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại lần 2.

B. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần 1.

C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

**Câu 32**: Kết quả nào dưới đây **không** phải là của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.

B. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.

D. Mĩ tăng cường lực lượng Mĩ cho chiến trường miền Nam.

**Câu 33**. Mĩ thực sửdụng thủ đoạn giao nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước Xã hội chủ nghĩa đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong chiến lược chiến tranh nào dưới đây ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”

B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

**Câu 34**: Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

C. Mĩ phải rút hết quân về nước.

D. Hiệp định Pari được kí kết.

**Câu 35**. Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973 là

A. biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

B. chuẩn bị đánh chiếm vùng giải phóng.

C. phá hoại miền Bắc.

D. phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.

**Câu 36.** Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

A. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.

B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

C. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

**Câu 37.** Hành động phá hoại Hiệp định Pari 1973 của chính quyền Sài Gòn là

A. mở các cuộc hành quân “ bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng.

B. tổ chức những cuộc hành quân tìm diệt, đánh vào căn cứ của ta.

C. đàn áp, khủng bố những hoạt động yêu nước của nhân dân miền Nam.

D. không tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 38.** Để phá hoại Hiệp định Pari 1973, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành chiến dịch

A. “ trả đũa ồ ạt”. B. “ tìm diệt và bình định”.

C. “ tràn ngập lãnh thổ”. D. “ bình định lấn chiếm”.

**Câu 39.** Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

A. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.

C. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.

D. thực hiện triệt để “ người cày có ruộng”.

**Câu 40.** Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

A. chính quyền Sài Gòn. B. Mĩ và đồng minh của Mĩ.

C. đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn. D. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

.................................Hết............................